Chi tiết mã HS 3206.49.19

Mã HS	3206.49.19
Mô tả hàng hóa	Chất màu khác; các chế phẩm như đã ghi trong Chú giải 3 của Chương này, trừ các loại thuộc nhóm 32.03, 32.04 hoặc 32.05; các sản phẩm vô cơ được dùng như chất phát quang, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học / - Chất màu khác và các chế phẩm khác: / - - Loại khác: / - - - Các chế phẩm: / - - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 03:26:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32064919/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4837
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4837
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4837
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4724
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4685
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4685
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4685
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4685
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4685
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4685
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4723
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4723
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4723
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4723

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4723
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4723
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4727
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4727
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4727
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4727
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4727
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4727
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4727
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4691
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4687
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4687
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4687
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4687
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4687
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4687
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4687
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4687
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4687
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4687
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4687
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4687
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4734
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4734
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4734
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4734

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4734
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4734
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4731
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4731
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4731
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4731
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4731
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4731
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4739
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4739
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4739
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4739
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4739
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4739
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4710
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4710
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4710
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4710
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4710
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4710
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4712
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4712
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4712
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4712
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4712
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4712

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4710
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4710
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4710
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4710
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4710
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4710
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4710
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4731
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4731
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4731
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4731
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4731
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4731
RCEP B	2022	2022	0	B!D4731
RCEP B	2023	2023	0	B!E4731
RCEP B	2024	2024	0	B!F4731
RCEP B	2025	2025	0	B!G4731
RCEP B	2026	2026	0	B!H4731
RCEP B	2027	2027	0	B!I4731
RCEP C	2022	2022	0	C!D4731
RCEP C	2023	2023	0	C!E4731
RCEP C	2024	2024	0	C!F4731
RCEP C	2025	2025	0	C!G4731
RCEP C	2026	2026	0	C!H4731
RCEP C	2027	2027	0	C!I4731
RCEP D	2022	2022	0	D!D4731

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4731
RCEP D	2024	2024	0	D!F4731
RCEP D	2025	2025	0	D!G4731
RCEP D	2026	2026	0	D!H4731
RCEP D	2027	2027	0	D!I4731
RCEP E	2022	2022	0	E!D4734
RCEP E	2023	2023	0	E!E4734
RCEP E	2024	2024	0	E!F4734
RCEP E	2025	2025	0	E!G4734
RCEP E	2026	2026	0	E!H4734
RCEP E	2027	2027	0	E!I4734
RCEP F	2022	2022	0	F!D4731
RCEP F	2023	2023	0	F!E4731
RCEP F	2024	2024	0	F!F4731
RCEP F	2025	2025	0	F!G4731
RCEP F	2026	2026	0	F!H4731
RCEP F	2027	2027	0	F!I4731
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4362
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4362
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4362
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4362

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3206.49 có 3 dòng thuế; dòng 3206.49.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3206.49.11 Của các chất màu vô cơ từ hợp chất cađimi hoặc hexacyanoferrates (ferrocyanides và ferricyanides); 3206.49.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3206.49.19 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3206.49.19	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3206.49.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3206.49.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4837), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.